

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2019/HNGĐ-ST

Ngày 18-7-2019

V/v tranh chấp về ly hôn và nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Huyền

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Xuân Tuất - Cán bộ hưu trí

Bà Đặng Thị Thu Hiền - Cán bộ Hội Liên hiệp Phụ nữ quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Cẩm Vân - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2019 về việc tranh chấp về ly hôn và nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 21-6-2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2019/QĐST-HNGĐ ngày 09-7-2019, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Chị DTH; địa chỉ: Số 30/99 A, phường A, quận B, thành phố Hải Phòng; có mặt tại phiên tòa.

***- Bị đơn:*** Anh TQH; địa chỉ: Số 19/24 C, phường D, quận E, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 13-11-2018 và được bổ sung bằng lời khai tại Bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị DTH trình bày:

Chị DTH và anh TQH xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường D, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng từ ngày 13-9-1993. Quá trình chung sống, hai bên phát sinh nhiều mâu

thuần, nguyên nhân do tính cách và quan điểm sống không hợp. Hai bên đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2018 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Vì vậy, chị DTH đề nghị Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng giải quyết được ly hôn anh TQH.

Về con chung: Có 02 con chung là F, sinh ngày 30-9-1993 (đã trên 18 tuổi) và G, sinh ngày 31-7-2007. Cháu F đã thành niên, nên chị DTH không đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, cháu G đang sống cùng chị DTH và có dấu hiệu chậm phát triển. Chị DTH đã đưa cháu G khám tại Bệnh viện H, Bệnh viện H chuẩn đoán cháu G bị chậm phát triển tâm thần. Vì vậy, chị DTH đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là G. Việc cấp dưỡng nuôi con, chị DTH không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị DTH không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã gửi Thông báo về việc thụ lý vụ án và nhiều lần triệu tập anh TQH đến Tòa án để trình bày ý kiến về các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, anh TQH đã đến Tòa án làm việc, nhưng không ký tên vào Biên bản làm việc và không gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với các yêu cầu của nguyên đơn. Vì vậy, vụ án này thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Căn cứ Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự, Viện kiểm sát nhân dân kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự: Việc xác định về thẩm quyền; về quan hệ pháp luật tranh chấp; về tư cách tham gia tố tụng của các đương sự; về việc thu thập chứng cứ; về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát; việc cấp tổng đạt văn bản tố tụng; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa, đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của Điều 28, Điều 35, Điều 48, Điều 49, Điều 97, Điều 203, Điều 220, Điều 227, Điều 228 và Điều 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nguyên đơn phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn, anh TQH được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, không có lý do. Căn cứ khoản 2

Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2] Xét thấy, chị DTH và anh TQH xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường D nên hôn nhân này là hợp pháp. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của nguyên đơn, ý kiến của gia đình, thấy rằng quá trình chung sống giữa chị DTH và anh TQH đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân tính cách và quan điểm sống không hợp nhau. Hai bên đã cố gắng hàn gắn mâu thuẫn, nhưng vẫn không khắc phục được, hai bên đã sống ly thân với nhau từ khoảng tháng 3 năm 2018 cho đến nay. Như vậy, mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên chị DTH đề nghị ly hôn với anh TQH. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho chị DTH ly hôn với anh TQH là phù hợp với qui định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị DTH và anh TQH có 02 con chung là F, sinh ngày 30-9-1993 (đã trên 18 tuổi) và G, sinh ngày 31-7-2007. Tại phiên tòa, nguyên đơn không yêu cầu giải quyết về việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con đối với cháu F, vì cháu F đã thành niên và đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu G. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến của mình về các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hiện nay, cháu G đang ăn ở, sinh hoạt cùng mẹ là chị DTH, do chị DTH chăm sóc, nuôi dưỡng, Bệnh viện H chuẩn đoán cháu G bị chậm phát triển tâm thần. Vì vậy, việc giao cháu G cho chị DTH tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng sẽ đảm bảo được quyền lợi về tinh thần và sức khỏe của cháu G. Bởi vậy, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao con chung G cho chị DTH trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chung, chị DTH không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh TQH không có ý kiến gì về vấn đề này. Do vậy, Tòa án không xem xét giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết, bị đơn không có ý kiến gì về vấn đề này. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị DTH và anh TQH được ly hôn.

2. Về con chung: Có 02 con chung là F, sinh ngày 30-9-1993 (đã trên 18 tuổi) và G, sinh ngày 31-7-2007. Giao con chung là G cho chị DTH trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi con đã thành niên, có khả năng lao động và có tài sản để tự nuôi mình hoặc có sự thay đổi khác theo qui định của pháp luật. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Chị DTH phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, theo Biên lai thu tiền số: 0008068, ngày 10-01-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Chị DTH đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

**Nơi nhận:**

- TANDTP. Hải Phòng;
- VKSNDTP. Hải Phòng;
- VKSND. quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS. quận Hồng Bàng;
- UBND phường D,  
E, Hải Phòng;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thu Huyền**